

Số: 52/2006/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm
2006*

NGHỊ ĐỊNH

Về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc phát hành trái phiếu riêng lẻ của các loại hình doanh nghiệp bao gồm: công ty cổ phần, công ty nhà nước trong thời gian chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phát hành trái phiếu bổ sung vốn tự có của các tổ chức tín dụng thuộc sở hữu Nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 3 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Nghị định này.

3. Phát hành trái phiếu của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh, phát hành trái phiếu ra công chúng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Trái phiếu doanh nghiệp* (sau đây gọi tắt là trái phiếu) là một loại chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả cả gốc và lãi của doanh nghiệp phát

hành đối với người sở hữu trái phiếu.

2. *Trái phiếu chuyển đổi* là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

3. *Trái phiếu không chuyển đổi* là loại trái phiếu không có khả năng chuyển đổi thành cổ phiếu.

4. *Trái phiếu có bảo đảm* là loại trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khi đến hạn bằng tài sản của tổ chức phát hành hoặc bên thứ ba hoặc bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính, tín dụng.

5. *Trái phiếu không có bảo đảm* là loại trái phiếu không được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi bằng tài sản của tổ chức phát hành hoặc bên thứ ba hoặc bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính tín dụng.

6. *Phát hành trái phiếu* là việc bán trái phiếu lần đầu cho các đối tượng mua.

7. *Phát hành trái phiếu riêng lẻ* là các trường hợp phát hành trái phiếu không phải phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. *Tổ chức phát hành* là doanh nghiệp thực hiện phát hành trái phiếu theo quy định của Nghị định này.

9. *Bảo lãnh phát hành* là việc tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết với tổ chức phát hành về việc thực hiện các thủ tục trước khi phát hành trái phiếu, phân phối trái phiếu cho các nhà đầu tư, nhận mua trái phiếu để bán lại hoặc mua số trái phiếu còn lại chưa phân phối hết.

10. *Đại lý phát hành* là các tổ chức thực hiện việc bán trái phiếu cho nhà đầu tư theo sự uỷ quyền của tổ chức phát hành.

11. *Đại lý thanh toán* là các tổ chức thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn theo sự uỷ quyền của tổ chức phát hành.

12. *Đấu thầu trái phiếu* là việc lựa chọn các tổ chức, cá nhân tham gia dự thầu, đáp ứng đủ yêu cầu của tổ chức phát hành.

13. *Đấu thầu cạnh tranh lãi suất* là việc các tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu đưa ra các mức lãi suất dự thầu của mình để tổ chức phát hành hoặc tổ chức được uỷ quyền lựa chọn mức lãi suất trúng thầu.

14. *Đấu thầu không cạnh tranh lãi suất* là việc các tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu không đưa ra mức lãi suất dự thầu mà đăng ký mua trái phiếu theo mức lãi suất trúng thầu được xác định theo kết quả của đấu thầu cạnh tranh lãi suất.

15. *Chứng quyền* là loại chứng khoán phát hành kèm theo trái phiếu, xác nhận quyền của người sở hữu trái phiếu được mua một khối lượng cổ phiếu phổ thông nhất định theo các điều kiện đã xác định.

16. *Tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu* là số lượng cổ phiếu phổ thông mà chủ

sở hữu trái phiếu nhận được khi thực hiện chuyển đổi một trái phiếu thành cổ phiếu.

17. *Thời hạn chuyển đổi trái phiếu* là khoảng thời gian kể từ khi tổ chức phát hành bắt đầu thực hiện việc chuyển đổi trái phiếu đến khi kết thúc việc chuyển đổi trái phiếu.

18. *Cầm cố trái phiếu* là việc chủ sở hữu trái phiếu giao trái phiếu của mình cho tổ chức, cá nhân khác nắm giữ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

19. *Tổ chức định mức tín nhiệm* là pháp nhân có chức năng đánh giá về mức độ uy tín của doanh nghiệp và khả năng thanh toán gốc, lãi trái phiếu của một tổ chức phát hành trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

20. *Lưu ký trái phiếu* là việc người sở hữu trái phiếu thực hiện ký gửi trái phiếu của mình tại một tổ chức được phép lưu giữ, bảo quản trái phiếu để tổ chức này thực hiện các quyền đối với trái phiếu cho người sở hữu.

Điều 3. Nguyên tắc phát hành trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn vay.
2. Các hoạt động phát hành trái phiếu phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư.
3. Việc phát hành trái phiếu phải tuân thủ các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Điều 4. Mục đích sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu:

1. Thực hiện các dự án đầu tư.
2. Cơ cấu lại các khoản vay trung và dài hạn.
3. Tăng quy mô vốn hoạt động.

Điều 5. Đồng tiền phát hành, thanh toán

Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam.

Đối với trái phiếu của các tổ chức tín dụng, đồng tiền phát hành, thanh toán bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 6. Hình thức trái phiếu

Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

Điều 7. Mệnh giá trái phiếu

Trái phiếu doanh nghiệp có mệnh giá tối thiểu là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng). Các mệnh giá khác là bội số của 100.000 đồng.

Các loại mệnh giá của trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định cho từng đợt phát hành.

Điều 8. Đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp

1. Đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp là các tổ chức, cá nhân Việt Nam; người Việt

Nam định cư ở nước ngoài; các tổ chức và cá nhân nước ngoài.

2. Các đối tượng là tổ chức của Việt Nam không được sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp để mua trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 9. Lãi suất trái phiếu

1. Căn cứ mức độ uy tín của doanh nghiệp, hiệu quả của dự án đầu tư và tình hình thị trường tài chính, tiền tệ, doanh nghiệp phát hành trái phiếu quyết định lãi suất trái phiếu cho từng đợt phát hành.

2. Lãi suất trái phiếu có thể xác định cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu hoặc thả nổi trên thị trường.

Trường hợp phát hành trái phiếu với lãi suất thả nổi, tổ chức phát hành công bố mức lãi suất tham chiếu để làm căn cứ xác định lãi suất phải trả cho người sở hữu trái phiếu.

3. Trái phiếu được thanh toán lãi theo các phương thức:

a) Thanh toán lãi định kỳ;

b) Thanh toán lãi ngay khi phát hành;

c) Thanh toán một lần cùng với tiền gốc khi đến hạn.

Điều 10. Phạm vi giao dịch của trái phiếu

1. Trái phiếu doanh nghiệp được tự do chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế hoặc sử dụng để chiết khấu, thế chấp, cầm cố trong các quan hệ tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật.

Doanh nghiệp không được sử dụng trái phiếu do chính doanh nghiệp phát hành để chiết khấu, thế chấp, cầm cố trong các quan hệ tín dụng.

2. Việc giao dịch trái phiếu trên thị trường tiền tệ; niêm yết, đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu tại các Trung tâm giao dịch Chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán) được thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan.

3. Không được sử dụng trái phiếu để thay thế tiền trong lưu thông và thực hiện các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Điều 11. Mua lại trái phiếu trước hạn

Tổ chức phát hành được mua lại trái phiếu đã phát hành trước hạn.

Điều 12. Lưu ký, ký gửi trái phiếu

Chủ sở hữu trái phiếu được lưu ký trái phiếu tại các tổ chức được phép lưu ký chứng khoán hoặc ký gửi tại các tổ chức tín dụng để bảo quản theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức phát hành trái phiếu

1. Sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu theo đúng mục đích đã cam kết với các nhà đầu tư.

2. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

3. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin và chịu trách nhiệm về tính chính xác,

trung thực của các thông tin đã công bố.

4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm cam kết với tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, đại lý thanh toán và tổ chức được ủy quyền đấu thầu trái phiếu.

5. Thực hiện chế độ quản lý tài chính, báo cáo và kế toán thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền lợi của người mua trái phiếu

1. Được tổ chức phát hành bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn.

2. Được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu, thế chấp và cầm cố trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Giải quyết thanh toán trái phiếu trong trường hợp mất hoặc bị hư hỏng

1. Trái phiếu không ghi tên bị mất hoặc bị rách nát, hư hỏng, không còn giữ được hình dạng, nội dung ban đầu sẽ không được thanh toán.

2. Trái phiếu ghi tên bị mất hoặc rách nát, hư hỏng, nếu người làm mất trái phiếu chứng minh được quyền sở hữu trái phiếu của mình và trái phiếu đó chưa bị lợi dụng thanh toán sẽ được tổ chức phát hành thanh toán khi đến hạn.

Điều 16. Xử lý hành vi làm giả trái phiếu

Mọi hành vi lợi dụng hoặc làm giả trái phiếu, tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

ĐIỀU KIỆN VÀ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 17. Điều kiện phát hành trái phiếu

Doanh nghiệp phát hành trái phiếu khi có đủ các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này.
2. Có thời gian hoạt động tối thiểu là 01 năm kể từ ngày doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động.
3. Có báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán.
4. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm liền kề năm phát hành phải có lãi.
5. Có phương án phát hành trái phiếu được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông qua.

Điều 18. Phương án phát hành trái phiếu

1. Phương án phát hành trái phiếu do tổ chức phát hành xây dựng để làm cơ sở tổ chức phát hành trái phiếu và công bố công khai cho các nhà đầu tư biết.
2. Nội dung của phương án phát hành trái phiếu, gồm:

- a) Mục đích phát hành trái phiếu;
- b) Các thông tin về ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh và kết quả hoạt động của doanh nghiệp;
- c) Khối lượng, kỳ hạn, lãi suất trái phiếu phát hành;
- d) Tỷ lệ chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, biên độ biến động giá cổ phiếu (đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- đ) Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức tham gia bảo lãnh phát hành, bảo lãnh thanh toán, đại lý phát hành, đại lý thanh toán trái phiếu;
- e) Địa điểm bán trái phiếu và thanh toán gốc, lãi trái phiếu;
- g) Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu;
- h) Các cam kết khác đối với người sở hữu trái phiếu.

Điều 19. Thông qua phương án phát hành trái phiếu

1. Đại hội cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi. Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp tổ chức thực hiện phương án phát hành trái phiếu.
2. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc đại diện chủ sở hữu vốn thông qua phương án phát hành trái phiếu không có khả năng chuyển đổi. Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp tổ chức thực hiện phương án phát hành trái phiếu.
3. Đối với trái phiếu bổ sung vốn tự có do các tổ chức tín dụng thuộc sở hữu nhà nước và trái phiếu của các doanh nghiệp nhà nước (kể cả công ty nhà nước, công ty cổ phần nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước có từ hai thành viên trở lên trong thời gian chuyển đổi theo quy định), phương án phát hành trái phiếu phải được Bộ Tài chính chấp thuận.

Chương III

CÁC LOẠI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Mục I

TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Điều 20. Đối tượng phát hành trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi do công ty cổ phần phát hành.

Điều 21. Nguyên tắc phát hành trái phiếu chuyển đổi

1. Công khai tại thời điểm phát hành các thông tin về điều kiện chuyển đổi, thời hạn chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu và các quyền lợi khác của người sở hữu trái phiếu.
2. Đảm bảo tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.
3. Tổng mức phát hành không vượt hạn mức phát hành được duyệt.

Điều 22. Thời hạn chuyển đổi trái phiếu

Thời hạn chuyển đổi trái phiếu do tổ chức phát hành xác định và công bố công khai cho các nhà đầu tư biết khi phát hành trái phiếu.

Điều 23. Tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu

1. Tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu do tổ chức phát hành xác định tại thời điểm phát hành.
2. Tại thời điểm thực hiện chuyển đổi trái phiếu, giá cổ phiếu biến động vượt quá biên độ biến động giá cổ phiếu được công bố khi phát hành trái phiếu, chủ sở hữu doanh nghiệp có quyền điều chỉnh tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu cho phù hợp.

Điều 24. Bảo đảm thanh toán cho trái phiếu chuyển đổi

1. Trái phiếu chuyển đổi có thể là trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu không có bảo đảm.
2. Trái phiếu được bảo đảm theo các phương thức:
 - a) Bảo lãnh thanh toán của các tổ chức tài chính, tín dụng;
 - b) Bảo đảm bằng tài sản của tổ chức phát hành;
 - c) Bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba.
3. Bộ Tài chính quy định cụ thể việc bảo đảm thanh toán của trái phiếu phát hành.

Điều 25. Chứng quyền phát hành kèm theo trái phiếu chuyển đổi

1. Chứng quyền phát hành kèm theo trái phiếu chuyển đổi xác nhận quyền của người sở hữu trái phiếu được mua một số lượng cổ phiếu phổ thông nhất định của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã xác định.
2. Tổ chức phát hành công khai các thông tin có liên quan đến quyền mua cổ phiếu phổ thông của người sở hữu chứng quyền khi phát hành trái phiếu, bao gồm:
 - a) Điều kiện được mua cổ phiếu phổ thông của người sở hữu chứng quyền.
 - b) Số lượng cổ phiếu được mua của từng đơn vị chứng quyền.
 - c) Các quyền lợi và trách nhiệm khác của người nắm giữ chứng quyền.

Mục II**TRÁI PHIẾU KHÔNG CHUYỂN ĐỔI****Điều 26. Đối tượng phát hành trái phiếu không chuyển đổi**

1. Doanh nghiệp nhà nước.
2. Công ty cổ phần.
3. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 27. Nguyên tắc phát hành trái phiếu không chuyển đổi

1. Công khai mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu.

2. Tổng mức phát hành không vượt hạn mức phát hành được duyệt.

Điều 28. Bảo đảm thanh toán cho trái phiếu không chuyển đổi

Trái phiếu không chuyển đổi có thể là trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu không có bảo đảm.

Việc bảo đảm thanh toán cho trái phiếu không chuyển đổi được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

Điều 29. Chứng quyền phát hành kèm theo trái phiếu không chuyển đổi

1. Chỉ có các công ty cổ phần mới được phát hành chứng quyền kèm theo trái phiếu không có khả năng chuyển đổi.

2. Việc phát hành chứng quyền kèm theo trái phiếu không chuyển đổi được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Chương IV

PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Mục I

BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 30. Tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp gồm các công ty chứng khoán và các định chế tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn của tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu và công bố công khai hàng năm để doanh nghiệp phát hành trái phiếu và các tổ chức bảo lãnh phát hành trái phiếu thực hiện.

Điều 31. Phương thức bảo lãnh phát hành trái phiếu

1. Việc bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp có thể do một hoặc một số tổ chức đồng thời thực hiện.

2. Trường hợp nhiều tổ chức cùng thực hiện bảo lãnh phát hành trái phiếu, thực hiện theo phương thức đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu.

Điều 32. Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu

1. Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu do tổ chức phát hành thoả thuận với tổ chức nhận bảo lãnh phát hành.

2. Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu được tính vào chi phí phát hành trái phiếu và hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc giá trị dự án, công trình sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu.

Mục II

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 33. Tổ chức đại lý phát hành trái phiếu

1. Tổ chức đại lý phát hành trái phiếu là các công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng và các định chế tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn của tổ chức làm đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 34. Phương thức đại lý phát hành trái phiếu

1. Tổ chức phát hành trái phiếu có thể uỷ thác cho một hoặc một số tổ chức cùng làm nhiệm vụ đại lý phát hành trái phiếu.
2. Đại lý phát hành thực hiện bán trái phiếu cho các nhà đầu tư theo đúng cam kết với tổ chức phát hành. Trường hợp không bán hết, đại lý được trả lại cho tổ chức phát hành số trái phiếu còn lại.

Điều 35. Phí đại lý phát hành trái phiếu

1. Phí đại lý phát hành trái phiếu do tổ chức phát hành thoả thuận với đại lý phát hành trái phiếu.
2. Phí đại lý phát hành trái phiếu được tính vào chi phí phát hành trái phiếu và hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc giá trị dự án, công trình sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu.

Mục III

ĐẤU THẦU TRÁI PHIẾU

Điều 36. Phương thức đấu thầu trái phiếu

Tổ chức phát hành trái phiếu được lựa chọn các phương thức đấu thầu sau:

1. Đấu thầu trực tiếp tại doanh nghiệp phát hành trái phiếu.
2. Đấu thầu thông qua các tổ chức tài chính trung gian.
3. Đấu thầu thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán).

Điều 37. Nguyên tắc đấu thầu trái phiếu

1. Bí mật về thông tin của các tổ chức, cá nhân tham gia dự thầu.
2. Bảo đảm sự bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu.
3. Cạnh tranh về lãi suất giữa các tổ chức, cá nhân tham gia đấu thầu.

Điều 38. Đối tượng tham gia đấu thầu trái phiếu

1. Đối tượng tham gia đấu thầu trái phiếu là các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 8 Nghị định này.
2. Các đối tượng tham gia đấu thầu trái phiếu thông qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán (Sở Giao dịch chứng khoán) phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Hình thức đấu thầu trái phiếu

1. Đấu thầu cạnh tranh lãi suất.

2. Kết hợp giữa đấu thầu cạnh tranh lãi suất với đấu thầu không cạnh tranh lãi suất.

Tỷ lệ trái phiếu đấu thầu không cạnh tranh lãi suất trong từng đợt đấu thầu do doanh nghiệp phát hành quyết định nhưng tối đa bằng 30% tổng khối lượng trái phiếu thông báo phát hành của đợt đấu thầu đó.

Điều 40. Phí đấu thầu trái phiếu

1. Phí đấu thầu trái phiếu do tổ chức phát hành thỏa thuận với tổ chức được ủy quyền tổ chức đấu thầu trái phiếu.

2. Phí đấu thầu trái phiếu được tính vào chi phí phát hành trái phiếu và hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc giá trị dự án, công trình sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu (kể cả trường hợp tổ chức phát hành tự tổ chức đấu thầu trái phiếu).

Chương V

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 41. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết cho người mua trái phiếu.
2. Tổ chức phát hành, tổ chức kiểm toán, tổ chức định mức tín nhiệm (nếu có) chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin công bố hoặc xác nhận.

Điều 42. Nội dung công bố thông tin phát hành trái phiếu

1. Báo cáo tài chính năm trước năm phát hành được kiểm toán.
2. Phương án phát hành trái phiếu được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông qua.
3. Kết quả xếp loại của tổ chức định mức tín nhiệm đối với tổ chức phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành (nếu có).
4. Quyền lợi của người mua trái phiếu và cam kết của tổ chức phát hành trái phiếu.

Điều 43. Thực hiện công bố thông tin

Tổ chức phát hành thực hiện việc công bố thông tin theo quy định sau:

1. Công bố các thông tin về việc phát hành trái phiếu ít nhất trên 3 số báo liên tiếp của 01 tờ báo Trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi tổ chức phát hành đặt trụ sở chính.
2. Niêm yết công khai các thông tin theo quy định tại Điều 42 Nghị định này tại trụ sở của tổ chức phát hành, tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, tổ chức đấu thầu và các địa điểm phân phối trái phiếu.

Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, các tổ chức phát hành có thể sử dụng thêm các phương tiện khác để công bố thông tin như đài phát thanh, truyền hình, báo điện tử, website,...

Chương VI

THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

Điều 44. Nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Tổ chức phát hành trái phiếu có trách nhiệm bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu từ nguồn khấu hao cơ bản của các dự án, công trình đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác của doanh nghiệp.

2. Đối với trái phiếu bảo đảm, khi tổ chức phát hành không cân đối được nguồn thanh toán, các tài sản bảo đảm sẽ được phát mại để hoàn trả nợ vay khi đến hạn.

Trường hợp các tổ chức tài chính, tín dụng bảo lãnh thanh toán cho trái phiếu, các tổ chức tài chính, tín dụng có trách nhiệm bố trí nguồn vốn để trả nợ cho người sở hữu trái phiếu. Tổ chức phát hành có nghĩa vụ nhận nợ và thanh toán lại cho tổ chức bảo lãnh thanh toán hoặc bên thứ ba theo đúng các điều kiện đã cam kết.

Điều 45. Tổ chức thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Tổ chức phát hành có thể trực tiếp thanh toán hoặc uỷ thác cho tổ chức tài chính, tín dụng có đủ điều kiện để thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu.

2. Tổ chức phát hành và đại lý thanh toán có thể cam kết về việc ứng vốn của đại lý thanh toán để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu. Tổ chức phát hành có trách nhiệm hoàn trả vốn tạm ứng cho đại lý thanh toán và chịu phí sử dụng vốn trong thời gian chậm trả theo hợp đồng thoả thuận giữa các tổ chức.

3. Phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu được tính vào chi phí phát hành trái phiếu và hạch toán vào chi phí kinh doanh hoặc giá trị quyết toán dự án, công trình đầu tư bằng nguồn phát hành trái phiếu.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU DOANH NGHIỆP

Điều 46. Bộ Tài chính

1. Thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
2. Giám sát giới hạn an toàn nợ đối với doanh nghiệp nhà nước trong tổng giới hạn an toàn nợ của Nhà nước.
3. Xem xét, có ý kiến chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của các tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này.
4. Đình chỉ việc phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp vi phạm các quy định của Nhà nước về phát hành trái phiếu.

Điều 47. Ngân hàng Nhà nước

1. Xem xét, quyết định việc phát hành trái phiếu của các tổ chức tín dụng theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này.
2. Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện nghiệp vụ bảo

lãnh và đại lý phát hành trái phiếu.

3. Quản lý nhà nước đối với việc sử dụng trái phiếu doanh nghiệp để giao dịch trên thị trường tiền tệ; chiết khấu, thế chấp, cầm cố trái phiếu trong các quan hệ tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp

1. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.
2. Giám sát việc phát hành, sử dụng và thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2006 và thay thế Nghị định 120/CP ngày 17 tháng 09 năm 1994 của Chính phủ ban hành Quy chế tạm thời về việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu của các doanh nghiệp nhà nước.

Điều 50. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 51. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Phan Văn Khải